TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 924/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30/6/2022
V/v tranh chấp ly hôn giữa
chị T và anh Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tưởng Công Sơn
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Phan Minh T
Bà Lê Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Gia Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thùy An - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2022/HNST ngày 17 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp: "Ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2022/QĐXX- HN ngày 20 tháng 5 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 163/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/6/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị T, sinh năm 1974; Địa chỉ : Số 11 đường N, phường 12, quận B, Thành phố H (Có đơn xin vắng mặt)

2.*Bị đơn*: Anh Đ, sinh năm 1971;

Hộ khẩu thường trú : Số 11 đường N, phường 12, quận B, Thành phố H

Địa chỉ tạm trú : Số 5 đường Q, phường 11, quận G, Thành phố H (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 12 năm 2021; bản tự khai ngày 24/02/2022 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị T trình bày: Tôi và anh Đ tự nguyện đến với nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 03/11/2006. Hạnh phúc gia đình kéo dài đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp. Hạnh phúc không đạt như mong muốn, chồng tôi hay ghen và giận hờn vô cớ. Do đó dẫn tới vợ chồng thường xuyên

cãi vã nhau. Nay tình cảm vợ chồng đã hết. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ để sớm ổn định cuộc sống.

-Về con chung: Tôi và anh Đ có 01 con chung tên K, sinh ngày 01/01/2008. Tôi yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ K đến tuổi trưởng thành và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng bắt đầu từ 01/3/2022.

-Về tài sản chung, nợ chung: Chị T tự khai không có

-Ngày 05/4/2022, Chị T đã có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Tòa án đã tiến hành xác minh nơi cư trú của anh Đ theo Quyết định yêu cầu cung cấp số 47/2022/QĐ-CCTLCC ngày 14/02/2022 tại Công an Phường 11, quận G, được biết : "Nhân khẩu Đ, sinh năm 1971 hiện đang tạm trú tại địa chỉ 5 đường Q, Phường 11, quận G."

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ giấy triệu tập lấy lời khai và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Đ đến Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ không đến Tòa án; nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

**Tại phiên tòa hôm nay:*

-Chị T có đơn xin vắng mặt tuy nhiên chị vẫn bảo lưu ý kiến của chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

-Về con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung tên K, sinh ngày 01/01/2008. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ K đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung, nợ chung : Chị T tự khai không có .

-Anh Đ là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi xét xử thấy rằng Thẩm phán đã thực hiện đúng và đầy đủ nội dung quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải. Thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng .

-Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các qui định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phiên tòa sơ thẩm.

-Về nội dung đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn : Cho ly hôn giữa chị T và anh Đ.

-Giao trẻ tên K, sinh ngày 01/01/2008 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Chị T rút yêu cầu cấp dưỡng nên đình chỉ đối với phần yêu cầu này.

-Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét

- Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị T khởi kiện bị đơn anh Đ đang cư ngụ tại số 5 đường Q, phường 11, quận G, Thành phố H. Đây là vụ án tranh chấp "Ly hôn " thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Đ là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 20/5/2022, chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa do bận công việc đột xuất. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

*Về yêu cầu xin ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

-Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 2 do Ủy ban nhân dân phường 10 quận G cấp cho chị T và anh Đ vào ngày 03 tháng 11 năm 2006 thì hôn nhân của Chị T và anh Đ là hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

-Chị T xin ly hôn với anh Đ vì chị cho rằng giữa chị và anh Đ có mâu thuẫn là do tính tình không hòa hợp và hạnh phúc không đạt như mong muốn. Do đó chị T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ theo Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ bản tự khai và đơn trình bày quá trình chung sống và phát sinh mâu thuẫn ngày 24/02/2022, Chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ vì chị cho rằng chị và anh Đ tính tình không hòa hợp, hạnh phúc không đạt như mong muốn, anh Đ hay ghen và giận hờn vô cớ do đó vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc. Mặt khác chị và anh Đ đã ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay.

-Căn cứ vào kết quả xác minh ngày 29/4/2022 của Tòa án và Hội liên hiệp Phụ nữ Phường 12, quận B, Thành phố H thì được biết : "Hai vợ chồng Chị T và anh Đ mâu thuẫn từ giữa tháng 7/2020. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh Đ ghen tuông. Đến tháng 1/2021 thì anh Đ không ở cùng vợ nữa mà ra thuê phòng trọ sống một mình ở số 562 đường Q, phường 11, quận G, Thành phố H cho đến nay".

-Căn cứ theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định:

"1. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác."

Chị T và anh Đ hiện nay không còn sống chung với nhau, đã ly thân từ tháng 01/2021 cho đến nay. Mặt khác anh Đ không đến Tòa hòa giải để hòa giải đoàn tụ gia đình mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ chứng tỏ anh Đ không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình yêu thương giữa hai vợ chồng, cùng vun đắp và chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc, thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã lâu nhưng cả hai không có hướng khắc phục để giải tỏa mâu thuẫn, dẫn đến ngày càng gay gắt hơn. Cả hai không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị T và anh Đ trầm trọng mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên đã hàn gắn nhưng không thành. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa Chị T và anh Đ trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa Chị T và anh Đ không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì " Tòa án giải quyết cho ly hôn …nếu có căn cứ về việc vợ chồng vi phạm nghiêm trọng quyền nghĩa vụ của vợ chồng …mục đích hôn nhân không đạt được…" do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị T .

*Xét yêu cầu nuôi dưỡng con chung của Chị T là trẻ Thái Lê Khoa, sinh ngày 01/01/2008.

- Căn cứ vào kết quả xác minh ngày 29/4/2022 của Tòa án và Hội liên hiệp Phụ nữ Phường 12, quận B, Thành phố H thì được biết : "….Bản thân chị T cùng với con trai K hiện tại đang ở nhà mẹ đẻ của chị T tại địa chỉ 11 đường Đ, phường 12, quận B. Chị T làm giúp việc nhà thu nhập 8 triệu / tháng. Chị T nuôi dưỡng cháu K hiện nay phát triển bình thường . Nếu chị T và anh Đ ly hôn thì bé K mong muốn sống cùng với mẹ."

- Căn cứ vào bản tự khai ngày 05/4/2022 của trẻ K mong muốn được ở với chị T.

- Chị T cung cấp cho Tòa án các chứng cứ về việc làm, thu nhập, chỗ ở để nuôi dưỡng trẻ K tốt nhất cho Tòa án theo quyết định số 93/2022/QĐ-CCTLCC ngày 24/02/2022. Chị T có công ăn việc làm thu nhập mỗi tháng 8.000.000 đồng và có chỗ ở hợp pháp là nhà của mẹ ruột nên có thể nuôi dưỡng cháu K phát triển bình thường.

- Anh Đ dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh không đến Tòa án để làm bản tự khai, hòa giải về việc anh có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung hay không do đó Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét giao trẻ K cho anh Đ.

Từ những chứng cứ phân tích nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu nuôi con của Chị T là hoàn toàn chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho trẻ phát triển bình thường và phù hợp với các quy định tại tại Điều 81 Luật Hôn

nhân và gia đình năm 2014 do đó Hội đồng xét xử xét thấy giao trẻ K, sinh ngày 01/01/2008 cho chị T nuôi dưỡng để bảo đảm cho trẻ K phát triển tốt

*Về việc cấp dưỡng nuôi con:

Tại đơn khởi kiện Chị T yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng. Tuy nhiên ngày 05/4/2022, Chị T làm đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện này. Xét việc Chị T rút một phần yêu cầu này là tự nguyện không trái pháp luật. Do đó, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Chị T yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi trẻ K mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Do Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ, cho đến khi Chị T có yêu cầu.

Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về Gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của trẻ, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung, nợ chung:

-Căn cứ đơn khởi kiện cũng như bản tự khai ngày 24/02/2021, chị T tự khai tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân với anh Đ không có nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Đ không đến Tòa án để Tòa án lấy lời khai của anh Đ về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân do đó sau này nếu anh Đ có tranh chấp về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh Đ sẽ khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định của pháp luật.

*Án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm không phụ thuộc vào việc Tòa án có chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2021/0047573 ngày 17/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, do đó chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát quận Gò Vấp,Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điều 200; Điều 202; Điều 207; điểm c khoản 1 Điều 217; Điều 212; Điều 246; Điều 220; Điều 271; Điều 273 và Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 58 và Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án ;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị T và anh Đ.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 2 do Ủy ban nhân dân phường 10 quận G cấp cho chị T và anh Đ vào ngày 03 tháng 11 năm 2006 hết hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Chị T và anh Đ có 01 con chung tên K, sinh ngày 01/01/2008. Giao trẻ K cho chị T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này của anh Đ.

Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

-Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị T yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi trẻ K mỗi tháng 2.000.000 đồng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự khai không có

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng Chị T chịu nhưng được khấu trừ vào biên lai tạm ứng án phí số AA/2021/0047573 ngày 17/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo :

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM ;
- Viện kiểm sát nhân dân quận GV;
- Chi cục THADS quận GV;
- Ủy ban nhân dân phường 10 quận G, TP.H
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)